

Số: **20** /2022/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **01** tháng **6** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình 53/TTr-SLĐTBXH ngày 06 tháng 5 năm 2022, Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 473/STC-NS ngày 22 tháng 02 năm 2022, Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 54/BC-STP ngày 22 tháng 4 năm 2022 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức dịch vụ chi trả và các cơ quan, đơn vị liên quan đến quy trình thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Mức chi phí chi trả, phương thức chi trả và kinh phí thực hiện

1. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

Mức chi phí chi trả = tỷ lệ x tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, cụ thể tỷ lệ như sau:

- a) Khu vực thành thị: 0,3%;
- b) Khu vực nông thôn thuộc huyện, thị xã, thành phố đồng bằng: 0,4%;
- c) Khu vực nông thôn thuộc huyện miền núi: 0,8%;
- d) Khu vực huyện Lý Sơn: 0,6% .

2. Phương thức chi trả:

a) Phương thức chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội trực tiếp bằng tiền mặt; chi trả theo địa chỉ (*tại nhà đối tượng*) đối với đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi, trẻ em mồ côi không có người nhận trợ cấp thay.

b) Đối với phương thức chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội qua tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán điện tử hoặc phương thức chi trả kết hợp chi trả trực tiếp bằng tiền mặt với chi trả qua tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán điện tử (*nếu có*): Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với tổ chức dịch vụ chi trả, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

3. Kinh phí thực hiện chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 3. Hợp đồng tổ chức dịch vụ chi trả

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trực tiếp ký kết hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả về việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với tổ chức dịch vụ chi trả và các đơn vị liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện ký kết Hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng theo đúng quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, giám sát việc chi trả, kịp thời giải quyết các kiến nghị của đối tượng.

đ) Cập nhật kịp thời tình hình đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh, thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở nguồn lực của tỉnh, rà soát và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng trong dự toán ngân sách hàng năm theo Luật Ngân sách nhà nước.

b) Hướng dẫn các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch kinh phí hàng năm và tổ chức thanh, quyết toán theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện ký kết hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả về việc chi trả chế độ chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng trên địa bàn quản lý theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 34 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; chuyên danh sách đối tượng và kinh phí chi trả trợ giúp xã hội cho đơn vị cung cấp dịch vụ; đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán kinh phí thực hiện chi trả trợ giúp xã hội và chi phí dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội của đơn vị cung cấp dịch vụ; thanh toán chi phí dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

c) Hàng năm lập dự toán kinh phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội trên địa bàn gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

d) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phối hợp với tổ chức chi trả và Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo đúng quy định về quản lý ngân sách nhà nước. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chi trả, kịp thời giải quyết các kiến nghị của đối tượng.

e) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và phối hợp với tổ chức dịch vụ chi trả trong việc chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội.

4. Tổ chức dịch vụ chi trả

a) Ký kết hợp đồng với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; tổ chức thực hiện chi trả bảo đảm yêu cầu có kinh nghiệm, có mạng lưới điểm giao dịch tại cấp xã có thể đảm nhiệm việc chi trả tại nhà cho một số đối tượng đặc thù như: người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi, trẻ em mồ côi không có khả năng đến nhận chế độ trợ giúp xã hội, không có người nhận trợ cấp xã hội thay. Việc chi trả phải bảo đảm kịp thời, an toàn và được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 34 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Thực hiện thanh, quyết toán kinh phí chi trả theo các nội dung đã duyệt và báo cáo kết quả thực hiện.

d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình, kết quả thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng theo quy định hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022. Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Phương thức thực hiện chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng thông qua hệ thống Bưu điện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực thi hành kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động – TB&XH;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Cục BTXH – Bộ LĐTB&XH;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP (VX), KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXbthm237

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh